

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-8h15**

Phòng: **25**
Ca: **1**
Hội trường: **G204**

Mã lớp: **25364ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	9920	Trần Thị Hải Ngân	22D150123	K58D3				
2	9921	Nguyễn Huyền Trang	22D150162	K58D3				
3	9922	Vì Thị Lan Anh	22D150015	K58D3				
4	9923	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22D150022	K58D3				
5	9924	Vũ Trọng Minh Đức	22D150046	K58D3				
6	9925	Nguyễn Đức Hà	22D150053	K58D3				
7	9926	Lê Phương Huyền	22D150074	K58D3				
8	9927	Phương Thị Liên	22D150090	K58D3				
9	9928	Vũ Lê Khánh Linh	22D150099	K58D3				
10	9929	Hà Thị Huyền My	22D150114	K58D3				
11	9930	Bùi Thị Hằng Nga	22D150120	K58D3				
12	9931	Lê Thị Thanh Tâm	22D150137	K58D3				
13	9932	Hoàng Thái Bảo	22D270013	K58DC1				
14	9933	Nguyễn Thị Diệu	22D270015	K58DC1				
15	9934	Lâm Thị Bảo Hoàn	22D270028	K58DC1				
16	9935	Phạm Yến Thanh	22D270071	K58DC1				
17	9936	Đinh Kiều Thủy	22D270082	K58DC1				
18	9937	Âu Thị Hương	22D270035	K58DC1				
19	9938	Nguyễn Thị Kim Khánh	22D270037	K58DC1				
20	9939	Vũ Bảo Ngọc	22D270057	K58DC1				
21	9940	Huy Thị Trang	22D270089	K58DC1				
22	9941	Trương Thị Thảo Vân	22D270096	K58DC1				
23	9942	Trần Thị Quỳnh Anh	22D270009	K58DC1				
24	9943	Trần Văn Thái	22D270078	K58DC1				
25	9944	Nguyễn Minh Thư	22D270084	K58DC1				
26	9945	Hà Thị Lan Anh	22D270004	K58DC1				
27	9946	Lê Thị Kim Ngân	22D270051	K58DC1				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	9947	Trần Thị Mai	Anh	22D270008	K58DC2			
29	9948	Lê Thị Ngọc	Ánh	22D270010	K58DC2			
30	9949	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22D270011	K58DC2			
31	9950	Trần Ngọc	Hân	22D270025	K58DC2			
32	9951	Tạ Minh	Hiệu	22D270027	K58DC2			
33	9952	Hoàng Trần Phương	Thảo	22D270072	K58DC2			
34	9953	Lê Đình	Thiện	22D270079	K58DC2			
35	9954	Vũ Thị	Thùy	22D270081	K58DC2			
36	9955	Trương Thu	Hường	22D270036	K58DC2			
37	9956	Lã Tường	Vân	22D270095	K58DC2			
38	9957	Phạm Thị Thu	Huyền	22D270034	K58DC2			
39	9958	Hoàng Ngọc	Kiều	22D270040	K58DC2			
40	9959	Phan Thị	Phượng	22D270062	K58DC2			
41	9960	Phùng Thị Thu	Trang	22D270092	K58DC2			
42	9961	Hoàng Hải	Yến	22D270098	K58DC2			
43	9962	Phan Diễm Quỳnh	Anh	22D155007	K58DD1			
44	9963	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	22D155061	K58DD1			
45	9964	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22D155069	K58DD1			
46	9965	Nguyễn Hoàng	Lan	22D155035	K58DD1			
47	9966	Trần Thu	Hiền	22D155025	K58DD2			
48	9967	Lương Minh	Thùy	22D155066	K58DD2			
49	9968	Vũ Duy	Khánh	22D155033	K58DD2			
50	9969	Ngô Thị Thiên	Dịu	22D151006	K58DI1			
51	9970	Đào Khánh	Huyền	22D151011	K58DI1			
52	9971	Trương Yến	Nhi	22D151018	K58DI1			
53	9972	Nguyễn Lê Hải	Long	22D290064	K58DK1			
54	9973	Nguyễn Thị Thanh	Vân	22D290118	K58DK1			
55	9974	Lại Thị Mai	Hương	22D290050	K58DK1			
56	9975	Trần Thị Trà	My	22D290072	K58DK1			
57	9976	Đinh Văn	Nam	22D290074	K58DK1			
58	9977	Lê Văn	Sinh	22D290095	K58DK1			
59	9978	Nguyễn Ngân	Hà	22D290037	K58DK1			
60	9979	Bùi Thị Ngọc	Linh	22D290056	K58DK2			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
61	9980	Nguyễn Văn Mùi	22D290069	K58DK2				
62	9981	Bùi Yến Nhi	22D290079	K58DK2				

Xác nhận:

62

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-8h15**

Phòng: **26**
Ca: **1**
Hội trường: **G201**

Mã lớp: **25365ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	9982	Nguyễn Huyền Nhi	22D290081	K58DK2				
2	9983	Nguyễn Hồng Sơn	22D290096	K58DK2				
3	9984	Nhâm Thiên Vũ	22D290120	K58DK2				
4	9985	Nguyễn Ánh Hồng	22D290046	K58DK2				
5	9986	Trịnh Thị Kim Chúc	22D130032	K58E1				
6	9987	Vũ Minh Hiếu	22D130082	K58E1				
7	9988	Nguyễn Kim Quang	22D130174	K58E1				
8	9989	Thiều Nguyễn Phương Thảo	22D130188	K58E1				
9	9990	Nguyễn Thị Huyền	22D130099	K58E1				
10	9991	Trần Minh Tú	22D130223	K58E1				
11	9992	Đàm Hồng Vân	22D130227	K58E1				
12	9993	Lê Khánh Linh	22D130119	K58E1				
13	9994	Trần Thị Thùy Linh	22D130132	K58E1				
14	9995	Nguyễn Vũ Trang Anh	22D130013	K58E1				
15	9996	Vũ Thị Hồng Anh	22D130017	K58E1				
16	9997	Mai Thị Minh Phương	22D130172	K58E1				
17	9998	Hoàng Như Quỳnh	22D130179	K58E1				
18	9999	Nguyễn Minh Thái	22D130192	K58E1				
19	10000	Nguyễn Tùng Dương	22D130050	K58E2				
20	10001	Trịnh Thị Thảo Minh	22D130144	K58E2				
21	10002	Nguyễn Thị Thu Hà	22D130070	K58E2				
22	10003	Lưu Thị Khánh Linh	22D130120	K58E2				
23	10004	Nguyễn Mạnh Cường	22D130034	K58E2				
24	10005	Nguyễn Thùy Dương	22D130049	K58E2				
25	10006	Nguyễn Thành Đạt	22D130057	K58E2				
26	10007	Bùi Văn Việt Hoàng	22D130087	K58E2				
27	10008	Nguyễn Thị Ngọc Yến	22D130234	K58E2				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	10009	Nguyễn Thị Hà	My	22D130145	K58E3			
29	10010	Cao Thị Phương	Hoa	22D130083	K58E3			
30	10011	Đào Thị Huyền	Trang	22D130208	K58E3			
31	10012	Nguyễn Văn	Vinh	22D130231	K58E3			
32	10013	Ngô Thùy	Dung	22D130040	K58E3			
33	10014	Đinh Thị Châu	Giang	22D130060	K58E3			
34	10015	Lê Thị Thu	Hương	22D130106	K58E3			
35	10016	Nguyễn Thị Hoài	Nhung	22D130166	K58E4			
36	10017	Vũ Thị Hồng	Hạnh	22D130074	K58E4			
37	10018	Đinh Thị	Hoa	22D130084	K58E4			
38	10019	Vũ Phương	Thảo	22D130191	K58E4			
39	10020	Đinh Thị Thanh	Lan	22D130114	K58E4			
40	10021	Đinh Hoài	Nam	22D260077	K58EK1			
41	10022	Trần Quang	Trọng	22D260124	K58EK1			
42	10023	Nguyễn Thị Giang	Hương	22D260055	K58EK2			
43	10024	Vũ Mai	Khuê	22D260059	K58EK2			
44	10025	Phạm Đình	Thân	22D260108	K58EK2			
45	10026	Nguyễn Linh	Giang	21D260178	K58EK2			
46	10027	Đàm Yến	Nhi	22D260085	K58EK2			
47	10028	Nguyễn Thị Minh	Thúy	22D260116	K58EK3			
48	10029	Vũ Quốc	Tuấn	22D260125	K58EK3			
49	10030	Ngô Hải	Nam	22D160171	K58F1			
50	10031	Bùi Thị Phương	Anh	22D160004	K58F1			
51	10032	Nguyễn Phùng Gia	Bảo	22D160030	K58F1			
52	10033	Trần Việt	Long	22D160150	K58F1			
53	10034	Phùng Thị	Hồng	22D160097	K58F1			
54	10035	Nguyễn Bích	Diệp	22D160041	K58F1			
55	10036	Nguyễn Như	Quỳnh	22D160212	K58F2			
56	10037	Nguyễn Đức	Hoàng	22D160094	K58F2			
57	10038	Nguyễn Khánh	Vũ	22D160277	K58F2			
58	10039	Phan	Anh	22D160019	K58F2			
59	10040	Nguyễn Chí	Kiên	22D160126	K58F2			
60	10041	Hoàng Thị Phương	Thảo	22D160224	K58F3			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
61	10042	Lương Văn Minh	22D160165	K58F3				
62	10043	Vũ Nguyễn Hương Nhi	22D160190	K58F3				

Xác nhận:

62

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-8h15**

Phòng: **27**
Ca: **1**
Hội trường: **G202**

Mã lớp: **25366ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	10044	Bùi Minh Giang	22D160066	K58F3				
2	10045	Đỗ Ngọc Hà	22D160071	K58F3				
3	10046	Lê Đăng Tuấn	22D160266	K58F3				
4	10047	Võ Ngọc Thùy Trang	22D160255	K58F3				
5	10048	Nguyễn Viết Thành	22D160221	K58F4				
6	10049	Lê Hải Anh	22D160009	K58F4				
7	10050	Phạm Thị Kim Ngân	22D160176	K58F4				
8	10051	Nguyễn Đức Ngọc	22D160177	K58F4				
9	10052	Đào Thị Phương Anh	22D160007	K58F4				
10	10053	Nguyễn Thị Vân Anh	22D160017	K58F4				
11	10054	Trần Thị Thu	22D160241	K58F4				
12	10055	Phạm Thành Chung	22D160039	K58F4				
13	10056	Nguyễn Thị Mai Dung	22D160044	K58F4				
14	10057	Hoàng Thị Nhung	22D160191	K58F4				
15	10058	Nguyễn Đăng Thắng	22D160235	K58F4				
16	10059	Trần Xuân My	22D160170	K58F5				
17	10060	Nguyễn Phương Linh	22D160141	K58F5				
18	10061	Nguyễn Ngọc Mai	22D160157	K58F5				
19	10062	Vũ Thành Thắng	22D160236	K58F5				
20	10063	Trần Thị Thanh Thúy	22D160247	K58F5				
21	10064	Phạm Quang Huy	22D160102	K58F5				
22	10065	Ngô Đức Duy	22D160048	K58F5				
23	10066	Nghiêm Minh Đức	22D160064	K58F5				
24	10067	Bùi Thanh Hương	22D160115	K58F5				
25	10068	Nguyễn Như Lan	22D160128	K58F5				
26	10069	Vũ Ngọc Phan	22D160200	K58F5				
27	10070	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D160226	K58F5				
28	10071	Hà Thị Hằng	22D160079	K58F5				
29	10072	Lê Hoàng Anh	22D160010	K58F5				
30	10073	Nguyễn Mai Bảo Anh	22D160012	K58F5				
31	10074	Đỗ Yến Nhi	22D160187	K58F5				
32	10075	Vương Thị Ngọc Ánh	22D160028	K58F5				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	10076	Vũ Thị Phương	Dung	22D160046	K58F5			
34	10077	Nguyễn Thị	Huyền	22D160107	K58F5			
35	10078	Lê Thị Quỳnh	Anh	22D180008	K58H1			
36	10079	Nguyễn Bảo	Trâm	22D180232	K58H1			
37	10080	Nguyễn Thục	Uyên	22D180247	K58H1			
38	10081	Phạm Thị	Huyền	22D180101	K58H1			
39	10082	Nguyễn Minh	Khiêm	22D180114	K58H1			
40	10083	Phan Thị Mỹ	Linh	22D180135	K58H1			
41	10084	Hoàng Thị Thanh	Trúc	22D180235	K58H2			
42	10085	Phạm Thị	Duyên	22D180048	K58H2			
43	10086	Trần Thị Ngọc	Hà	22D180067	K58H2			
44	10087	Nguyễn Phương	Anh	22D180014	K58H2			
45	10088	Phạm Ngọc	Ánh	22D180025	K58H2			
46	10089	Bùi Huy	Bình	22D180031	K58H2			
47	10090	Lê Thị Tuyết	Anh	22D180009	K58H2			
48	10091	Đỗ Thanh	Thảo	22D180209	K58H2			
49	10092	Phan Vũ Thu	Ngân	22D180172	K58H2			
50	10093	Hà Thị Khánh	Huyền	22D180096	K58H2			
51	10094	Nguyễn Hồng	Hạnh	22D180072	K58H2			
52	10095	Ngô Thị Linh	Trang	22D180229	K58H3			
53	10096	Nguyễn Minh	Hiếu	22D180080	K58H3			
54	10097	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22D180047	K58H3			
55	10098	Nguyễn Thị	Khánh	22D180110	K58H3			
56	10099	Lưu Thị Vân	Lăng	22D180119	K58H3			
57	10100	Lã Thị	Quỳnh	22D180191	K58H3			
58	10101	Đinh Tuyết	Mai	22D180150	K58H3			
59	10102	Hoàng Thị Ánh	Ngân	22D180168	K58H3			
60	10103	Đoàn Đức	Linh	22D180126	K58H3			

Xác nhận:

60

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **9h00-10h15**

Phòng: **28**
Ca: **2**
Hội trường: **G204**

Mã lớp: **25367ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	9734	Phạm Thị Mai	Phương	21D100228	K57A3			
2	9735	Lưu Thị	Mùi	21D100268	K57A4			
3	9736	Bùi Khánh	Ngọc	21D100270	K57A4			
4	9737	Bùi Thị Thùy	Dương	21D100060	K57A5			
5	9738	Lê Đình	Tùng	21D100423	K57A7			
6	9739	Nguyễn Hữu	Công	21D111113	K57B1KD			
7	9740	Nguyễn Thị Lan	Anh	21D111170	K57B2KD			
8	9741	Đỗ Kiều	Anh	21D111165	K57B2KD			
9	9742	Hoàng Khánh	Linh	21D111256	K57B3KD			
10	9743	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21D110211	K57B3KS			
11	9744	Nguyễn Trần Minh	Trường	20D110267	K57B4KS			
12	9745	Lê Xuân	Tùng	21D110256	K57B4KS			
13	9746	Nguyễn Văn	Tuấn	21D120049	K57C2			
14	9747	Nguyễn Khánh	Vy	21D120054	K57C2			
15	9748	Nguyễn Thị Kim	Anh	20D120144	K57C3			
16	9749	Hoàng Thị	Cảnh	21D120503	K57C4			
17	9750	Đặng Văn	Hậu	21D150503	K57D1			
18	9751	Lê Thị Quỳnh	Anh	21D150162	K57D2			
19	9752	Phùng Hoài	Linh	21D150504	K57D3			
20	9753	Bùi Cẩm	Tú	21D155164	K57DD2			
21	9754	Hoàng Thị Linh	Hậu	21D130117	K57E1			
22	9755	Hoàng Thị Thảo	Linh	21D130505	K57E2			
23	9756	Lê Thảo	My	21D260142	K57EK1			
24	9757	Ngô Diên	Công	21D160001	K57F1			
25	9758	Vì Xuân	Hùng	21D160173	K57F2			
26	9759	Phạm Thị Phương	Thảo	21D160352	K57F5			
27	9760	Phạm Thị Thu	Hà	20D180012	K57H1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	9761	Chu Thành Đạt	21D180164	K57H2				
29	9762	Hoàng Thu Uyên	21D280218	K57HC2				
30	9763	Ngô Phương Linh	21D280192	K57HC2				
31	9764	Đào Thu Uyên	20D300066	K57LQ1				
32	9765	Nguyễn Hoàng An	21D300001	K57LQ1				
33	9766	Nguyễn Thị Hòa	21D170163	K57N2				
34	9767	Nguyễn Thị Hương Thảo	21D170184	K57N2				
35	9768	Nguyễn Thị Hồng	21D170254	K57N4				
36	9769	Ngô Băng Nhi	21D170311	K57N5				
37	9770	Bùi Thị Trang	21D170322	K57N5				
38	9771	Đoàn Thị Phương Anh	21D170283	K57N5				
39	9772	Đỗ Hữu Cảnh	21D200108	K57P1				
40	9773	Hoàng Tường Vy	21D200259	K57P3				
41	9774	Nguyễn Huy Hoàng	21D200227	K57P3				
42	9775	Nguyễn Phương Linh	21D105121	K57Q1				
43	9776	Nguyễn Ngọc Tú	21D105139	K57Q1				
44	9777	Nguyễn Linh Chi	21D107005	K57QT1				
45	9778	Trần Ngọc Huyền	21D107013	K57QT1				
46	9779	Nguyễn Thị Dung	20D107012	K57QT1				
47	9780	Hoàng Minh Phương	21D190006	K57S1				
48	9781	Bùi Danh Hào	21D190165	K57S2				
49	9782	Trần Trung Tuấn	21D190204	K57S2				
50	9783	Tòng Tiến Lâm	21D220120	K57T1				
51	9784	Nguyễn Anh Đức	21D210216	K57U3				
52	9785	Nguyễn Văn Điều	22D100085	K58A1				
53	9786	Nguyễn Phương Thảo	22D100281	K58A1				
54	9787	Phạm Thị Diễm Quỳnh	22D100259	K58A1				
55	9788	Vy Mai Loan	22D100181	K58A1				
56	9789	Nguyễn Đăng Thành	22D100272	K58A1				
57	9790	Nguyễn Ngọc Hải Yến	22D100337	K58A1				
58	9791	Hoàng Thị Bích Diệp	22D100055	K58A1				
59	9792	Hoàng Thúy Hồng	22D100130	K58A1				
60	9793	Lê Diệu Anh	22D100013	K58A2				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
61	9794	Lê Hải	Anh	22D100014	K58A2			
62	9795	Nguyễn Diệu	Anh	22D100019	K58A2			
63	9796	Trần Thị Nguyệt	Nga	22D100204	K58A2			
64	9797	Nguyễn Minh Trung	Dũng	22D100068	K58A2			

Xác nhận:

64

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **9h00-10h15**

Phòng: 29
Ca: 2
Hội trường: G201

Mã lớp: 25368ENTE0121

TT	SBD	Họ và	Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	9798	Nguyễn Thị	Hiền	22D100111	K58A2				
2	9799	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	22D100034	K58A2				
3	9800	Hoàng Minh	Hiền	22D100114	K58A2				
4	9801	Trần Ngọc	Hoàn	22D100123	K58A3				
5	9802	Nguyễn Kiên	Quốc	22D100257	K58A3				
6	9803	Bùi Nguyệt	Minh	22D100192	K58A3				
7	9804	Nguyễn Tiến	Anh	22D100025	K58A3				
8	9805	Trần Thị Cẩm	Nhung	22D100230	K58A3				
9	9806	Vũ Quốc	Anh	22D100030	K58A3				
10	9807	Đinh Quỳnh	Như	22D100231	K58A4				
11	9808	Phạm Ngọc	Phú	22D100239	K58A4				
12	9809	Đàm Thị	Thêm	22D100285	K58A4				
13	9810	Hồ Thị	Yến	22D100334	K58A4				
14	9811	Nguyễn Mạnh	Cường	22D100053	K58A4				
15	9812	Nguyễn Thị	Hồng	22D100132	K58A4				
16	9813	Đỗ Quang	Huy	22D100133	K58A4				
17	9814	Nguyễn Đức Tiến	Sơn	22D100263	K58A5				
18	9815	Hoàng Thị	Loan	22D100179	K58A5				
19	9816	Nguyễn Thị Thu	Hà	22D100097	K58A5				
20	9817	Ngô Đức	Dũng	22D100067	K58A6				
21	9818	Đặng Thảo	Nhi	22D100221	K58A6				
22	9819	Nguyễn Quốc	Chuyên	22D100047	K58A6				
23	9820	Nguyễn Thùy	Ngân	22D100208	K58A6				
24	9821	Đinh Cao	Nguyên	22D100216	K58A6				
25	9822	Nguyễn Hoàng	Sơn	22D100264	K58A6				
26	9823	Nguyễn Đức	Thịnh	22D100287	K58A6				
27	9824	Hồ Thị	Hào	22D100103	K58A6				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	9825	Đỗ Hương	Trang	22D100307	K58A6			
29	9826	Mai Đức	Hoàng	22D100124	K58A6			
30	9827	Mai Thị Thu	Duyên	22D108018	K58AA1			
31	9828	Bùi Thùy	Dung	22D109009	K58AS1			
32	9829	Lê Thu	Hà	22D109016	K58AS1			
33	9830	Trương Thị	Linh	22D109032	K58AS1			
34	9831	Trần Quang	Minh	22D109034	K58AS1			
35	9832	Trần Linh	Trang	22D109052	K58AS1			
36	9833	Đinh Thanh	Tùng	22D109058	K58AS1			
37	9834	Phạm Duy	Đức	22D109011	K58AS1			
38	9835	Phan Diệu	Linh	22D109029	K58AS1			
39	9836	Lê Yến	Nhi	22D109038	K58AS1			
40	9837	Trần Cẩm	Ly	22D112115	K58B1KN			
41	9838	Nguyễn Minh	Chi	22D252027	K58B1LN			
42	9839	Bùi Thị Bảo	Chi	22D252024	K58B1LN			
43	9840	Nguyễn Quang	Phi	22D252137	K58B1LN			
44	9841	Cao Nữ Thảo	Nguyên	22D112132	K58B2KN			
45	9842	Bùi Gia	Hân	22D112073	K58B2KN			
46	9843	Phạm Thị	Thoa	22D252161	K58B2LN			
47	9844	Vũ Thị Thùy	Dung	22D112043	K58B3KN			
48	9845	Đỗ Đình	Nam	22D120142	K58C1			
49	9846	Nguyễn Hữu	Nam	22D120144	K58C1			
50	9847	Hoàng Kim	Ngân	22D120151	K58C1			
51	9848	Đặng Ngọc	Huyền	22D120085	K58C1			
52	9849	Phạm Thu	Phuong	22D120170	K58C1			
53	9850	Nguyễn Thị	Quỳnh	22D120178	K58C1			
54	9851	Đào Trọng	Chính	22D120034	K58C1			
55	9852	Nguyễn Thị Thu	Thùy	22D120196	K58C1			
56	9853	Lê Thị	Trang	22D120200	K58C1			
57	9854	Vũ Thị	Trinh	22D120209	K58C1			
58	9855	Trịnh Thị	Xuân	22D120221	K58C1			
59	9856	Nguyễn Văn	Lộc	22D120125	K58C1			
60	9857	Vi Ngọc Quỳnh	Anh	22D120019	K58C1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
61	9858	Nguyễn Phương Thu	22D120192	K58C1				
62	9859	Nguyễn Hà An	22D120001	K58C1				

Xác nhận:

62

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

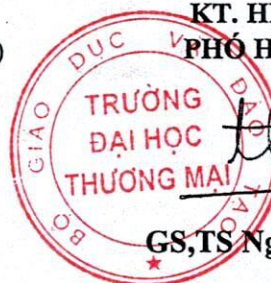
Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **9h00-10h15**

Phòng: **30**
Ca: **2**
Hội trường: **G202**

Mã lớp: **25369ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	9860	Nguyễn Thị Ti	Na	22D120141	K58C2			
2	9861	Nguyễn Thị	Huyền	22D120089	K58C2			
3	9862	Lường Thị Thu	Oanh	22D120166	K58C2			
4	9863	Nguyễn Thị	Thảo	22D120184	K58C2			
5	9864	Lê Thùy	Linh	22D120108	K58C2			
6	9865	Hoàng	Giang	22D120057	K58C2			
7	9866	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22D120112	K58C2			
8	9867	Phạm Thảo	Linh	22D120117	K58C2			
9	9868	Phan Thế	Anh	22D120014	K58C2			
10	9869	Nguyễn Tiến	Minh	21D120027	K58C3			
11	9870	Lê Ngọc	Huyền	22D120087	K58C3			
12	9871	Nguyễn Hương	Giang	22D120060	K58C3			
13	9872	Trương Ngọc	Giang	22D120062	K58C3			
14	9873	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22D120185	K58C3			
15	9874	Đỗ Quang	Chiều	22D120032	K58C3			
16	9875	Đoàn Thị	Trà	22D120206	K58C3			
17	9876	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	22D120218	K58C3			
18	9877	Nguyễn Khánh	Linh	22D120109	K58C3			
19	9878	Nguyễn Quỳnh	Anh	22D120011	K58C3			
20	9879	Mông Đức	Quỳnh	22D120177	K58C3			
21	9880	Triệu Xuân	Nghĩa	22D120152	K58C4			
22	9881	Nguyễn Thị Thu	Hoài	22D120077	K58C4			
23	9882	Trần Thị Thu	Huyền	22D120091	K58C4			
24	9883	Kiều Văn	Đức	22D120055	K58C4			
25	9884	Nguyễn Tiến	Giáp	22D120064	K58C4			
26	9885	Nguyễn Thu	Phương	22D120169	K58C4			
27	9886	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	21D120208	K58C4			
28	9887	Vũ Đức	Chung	22D120037	K58C4			
29	9888	Vũ Thị Phương	Anh	22D120023	K58C4			
30	9889	Mai Thị	Tuyết	22D120214	K58C4			
31	9890	Nguyễn Thu	Thảo	22D121101	K58CD1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	9891	Bùi Thị Nguyệt	22D121083	K58CD1				
33	9892	Đào Thị Nhung	22D121085	K58CD1				
34	9893	Bùi Thị Thanh	22D121098	K58CD1				
35	9894	Đinh Thị Ngọc	22D121013	K58CD1				
36	9895	Nguyễn Ánh	22D121023	K58CD1				
37	9896	Lê Thị Giang	22D121031	K58CD1				
38	9897	Ngô Thị Yên	22D121084	K58CD2				
39	9898	Phạm Thanh	22D121046	K58CD2				
40	9899	Hồ Thị Hà	22D121062	K58CD2				
41	9900	Lê Lâm	22D121004	K58CD2				
42	9901	Phạm Tiến	22D121097	K58CD2				
43	9902	Hoàng Minh	22D121030	K58CD2				
44	9903	Phan Thị Tuyết	22D121086	K58CD2				
45	9904	Đỗ Thị Hương	22D121049	K58CD2				
46	9905	Nguyễn Quỳnh	21D150125	K58D1				
47	9906	Nguyễn Thuý	22D150097	K58D1				
48	9907	Trần Thị Thúy	22D150004	K58D1				
49	9908	Hoàng Văn	22D150031	K58D1				
50	9909	Nguyễn Thị Hiền	22D150062	K58D1				
51	9910	Nguyễn Thị Mai	22D150128	K58D1				
52	9911	Trương Thị Huyền	22D150167	K58D2				
53	9912	Triệu Tú	22D150014	K58D2				
54	9913	Lương Thị Ngọc	22D150017	K58D2				
55	9914	Trần Thị Ngọc	22D150056	K58D2				
56	9915	Đinh Thị Hương	22D150078	K58D2				
57	9916	Trần Thảo	22D150126	K58D2				
58	9917	Đinh Phương	22D150149	K58D2				
59	9918	Đinh Thị Thu	22D150159	K58D3				
60	9919	Trần Khánh	22D150108	K58D3				

Xác nhận:

60 SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:..... Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: Kỹ năng Viết
Ngày đánh giá: 16/11/2025
Thời gian: 13h00-14h15

Phòng: 31
Ca: 3
Hội trường: G204

Mã lớp: 25370ENTE0121

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	10288	Hà Phương Anh	22D190001	K58S1				
2	10289	Vũ Thị Mai Hương	22D190075	K58S1				
3	10290	Hoàng Hữu Minh	22D190100	K58S1				
4	10291	Tổng Thị Ánh Tuyết	22D190173	K58S1				
5	10292	Nguyễn Duy Văn	22D190176	K58S1				
6	10293	Lương Thị Minh Tâm	22D190137	K58S1				
7	10294	Nguyễn Đức Hiếu	22D190051	K58S1				
8	10295	Nguyễn Tự Hùng	22D190066	K58S1				
9	10296	Nguyễn Thị Huyền Trang	22D190162	K58S1				
10	10297	Võ Thị Ngọc Tú	22D190174	K58S2				
11	10298	Lê Thảo Vy	22D190182	K58S2				
12	10299	Nguyễn Minh Thư	22D190150	K58S2				
13	10300	Phạm Thị Hoài Thương	22D190155	K58S2				
14	10301	Bùi Chí Mạnh	22D190097	K58S2				
15	10302	Nguyễn Ngọc Hiền	22D190049	K58S3				
16	10303	Lê Khang Ánh	22D190010	K58S3				
17	10304	Tạ Thị Thu Huệ	22D190059	K58S3				
18	10305	Nguyễn Thu Trang	22D190164	K58S3				
19	10306	Trần Thị Thúy My	22D190104	K58S3				
20	10307	Bùi Thị Ngọc	22D190115	K58S3				
21	10308	Đỗ Tiến Dũng	22D190023	K58S4				
22	10309	Phạm Ngọc Hà	22D190042	K58S4				
23	10310	Lê Minh Hoàng	22D190055	K58S4				
24	10311	Nguyễn Thị Quý	22D190136	K58S4				
25	10312	Đặng Thị Diệu Linh	22D190082	K58S4				
26	10313	Vũ Mạnh Thắng	22D190146	K58S4				
27	10314	Đoàn Phạm Ngọc Thư	22D190148	K58S4				
28	10315	Nguyễn Thị Thương	22D190153	K58S4				
29	10316	Trần Thị Hồng Nhung	22D192060	K58SN1				
30	10317	Phạm Thị Ngọc Ánh	22D192011	K58SN2				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	10318	Trần Văn Minh	Nghĩa	22D220145	K58T1			
32	10319	Phạm Minh	Phương	22D220170	K58T1			
33	10320	Nguyễn Thị Thùy	Dương	22D220050	K58T1			
34	10321	Nguyễn Mai	Linh	22D220112	K58T1			
35	10322	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22D220085	K58T1			
36	10323	Nguyễn Linh	Chi	22D220029	K58T1			
37	10324	Trần Thị	Hà	22D220060	K58T2			
38	10325	Thái Thị Ngọc	Diệp	22D220035	K58T2			
39	10326	Hoàng Diệu	Linh	22D220105	K58T2			
40	10327	Lê Hiếu	Minh	22D220134	K58T2			
41	10328	Phạm Thị Khánh	Hiền	22D220065	K58T2			
42	10329	Đỗ Nguyễn	Duy	22D220040	K58T2			
43	10330	Lý Thị	Thắm	22D220196	K58T2			
44	10331	Đỗ Minh	Quân	22D220173	K58T3			
45	10332	Bùi Lê Tuấn	Anh	22D220006	K58T3			
46	10333	Trần Đức	Mạnh	22D220131	K58T3			
47	10334	Trần Ngân	An	22D220002	K58T4			
48	10335	Nguyễn Diệu	Linh	22D220111	K58T4			
49	10336	Nguyễn Thị Nhã	Dương	22D220049	K58T4			
50	10337	Bế Anh	Minh	22D220132	K58T4			
51	10338	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	22D220084	K58T4			
52	10339	Vũ Thị	Hường	22D220093	K58T4			
53	10340	Hoàng Thị	Hoa	22D220070	K58T4			
54	10341	Vũ Thị Thảo	Vân	22D220227	K58T4			
55	10342	Nguyễn Văn	Hoàng	22D210098	K58U1			
56	10343	Đặng Thị	Lương	22D210136	K58U1			
57	10344	Lê Thị Hồng	Nhung	22D210166	K58U1			
58	10345	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	22D210171	K58U1			
59	10346	Nguyễn Thu	Linh	22D210127	K58U2			
60	10347	Cao Phương	Huyền	22D210101	K58U2			
61	10348	Phùng Đức Tú	Đạt	22D210063	K58U2			
62	10349	Triệu Khánh	Linh	22D210117	K58U2			
63	10350	Vương Văn	Tài	22D210193	K58U2			
64	10351	Lê Việt Anh	Tú	22D210246	K58U3			
65	10352	Nguyễn Văn	Xuân	22D210250	K58U3			
66	10353	Hoàng Đức	Anh	22D210008	K58U3			
67	10354	Văn Thị Quỳnh	Anh	22D210028	K58U3			
68	10355	Phạm Thị Diệu	Hương	22D210113	K58U3			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
69	10356	Nguyễn Thị Cẩm	Phuong	22D210181	K58U3			
70	10357	Tạ Nguyễn Tiến	Quyết	22D210190	K58U3			
71	10358	Đặng Thị	Chúc	22D210046	K58U3			
72	10359	Vàng A	Duy	22D210054	K58U3			
73	10360	Nguyễn Tùng	Dương	22D210060	K58U3			
74	10361	Trịnh Văn	Hưng	22D210110	K58U4			
75	10362	Trần Thị Thanh	Như	22D210169	K58U4			
76	10363	Dương Thanh	Nhân	22D210163	K58U4			
77	10364	Phùng Thị Thanh	Bình	22D210037	K58U4			
78	10365	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22D210105	K58U4			
79	10366	Nguyễn Quang	Nhật	22D210164	K58U4			
80	10367	Lê Thị	Nga	22D210153	K58U4			
81	10368	Lê Thị Kiều	Trinh	22D210238	K58U4			
82	10369	Nguyễn Thành	Trung	22D210240	K58U4			
83	10370	Đỗ Hoàng Khánh	Duy	22D210053	K58U5			
84	10371	Bùi Trí	Hoàng	22D210097	K58U5			
85	10372	Nguyễn Thúy	Nga	22D210154	K58U5			
86	10373	Nguyễn Duy	Thái	22D210205	K58U5			

Xác nhận:

86

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **15h00-16h15**

Phòng: **34**
Ca: **4**
Hội trường: **G204**

Mã lớp: **25373ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	10104	Hoàng Thanh Hoài	22D180082	K58H3				
2	10105	Nguyễn Mai Anh	22D180012	K58H4				
3	10106	Vũ Minh Huyền	22D180104	K58H4				
4	10107	Vũ Thị Kim Duyên	22D180049	K58H4				
5	10108	Lê Thị Hà Giang	22D180058	K58H4				
6	10109	Trần Thanh Hà	22D180066	K58H4				
7	10110	Dương Thị Ánh	22D180022	K58H4				
8	10111	Đặng Gia Bảo	22D180027	K58H4				
9	10112	Đoàn Nguyễn Nhật Minh	22D180154	K58H4				
10	10113	Phan Hồng Hạnh	22D180073	K58H4				
11	10114	Phạm Gia Hân	22D180075	K58H4				
12	10115	Nông Gia Huy	22D180092	K58H4				
13	10116	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D180212	K58H5				
14	10117	Hòa Thị Huế	22D180089	K58H5				
15	10118	Lê Phạm Hải Đăng	22D180052	K58H5				
16	10119	Dương Quốc Bảo	22D180028	K58H5				
17	10120	Ngô Đức Trung	22D180233	K58H5				
18	10121	Nguyễn Thị Ngọc Tú	22D180245	K58H5				
19	10122	Nguyễn Việt Huyền	22D180100	K58H5				
20	10123	Văn Thị Anh Thư	22D180224	K58H5				
21	10124	Nguyễn Thúy Quỳnh	22D180199	K58H5				
22	10125	Lưu Phương Mai	22D180147	K58H5				
23	10126	Lang Thị Oanh	22D280047	K58HC1				
24	10127	Nguyễn Thị Thu	22D280053	K58HC1				
25	10128	Nguyễn Ánh Ngọc	22D280043	K58HC1				
26	10129	Bùi Đức Anh	22D280001	K58HC1				
27	10130	Trịnh Hà Mai	22D280038	K58HC1				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	10131	Nguyễn Đăng Tiến	Đạt	22D280011	K58HC1			
29	10132	Trần Phương	Linh	22D280034	K58HC1			
30	10133	Nguyễn Lê	Na	22D280040	K58HC2			
31	10134	Đào Công	Quyết	22D280049	K58HC2			
32	10135	Lương Thị Thủy	Tiên	22D280056	K58HC2			
33	10136	Hoàng Lê Phương	Anh	22D280002	K58HC2			
34	10137	Phạm Văn	Mạnh	22D280039	K58HC2			
35	10138	Bùi Thành	Đạt	22D280010	K58HC2			
36	10139	Tạ Công	Hoàng	22D280019	K58HC2			
37	10140	Nguyễn Thị	Huyền	22D185025	K58HH1			
38	10141	Phạm Mai	Hương	22D185029	K58HH1			
39	10142	Trương Mạnh	Quang	22D185058	K58HH1			
40	10143	Lê Thị Ngọc	Trâm	22D185067	K58HH1			
41	10144	Trịnh Minh	Quang	22D185059	K58HH2			
42	10145	Lô Thị	Hà	22D140071	K58I1			
43	10146	Đoàn Nguyên	Phương	22D140166	K58I1			
44	10147	Phạm Thị	Bích	22D140031	K58I1			
45	10148	Phạm Thị Minh	Châu	22D140034	K58I1			
46	10149	Ngô Thanh	Trúc	22D140218	K58I1			
47	10150	Trần Thị Linh	Chi	22D140041	K58I1			
48	10151	Nguyễn Quỳnh	Trang	22D140209	K58I2			
49	10152	Nguyễn Quang	Vinh	22D140230	K58I2			
50	10153	Đinh Viết	Long	22D140124	K58I2			
51	10154	Nguyễn Văn	An	22D140002	K58I2			
52	10155	Phạm Hoàng	Anh	22D140017	K58I2			
53	10156	Nguyễn Xuân	Tiến	22D140201	K58I2			
54	10157	Nguyễn Diệu	Linh	22D140113	K58I3			
55	10158	Hoàng Văn	Hoàng	22D140084	K58I3			
56	10159	Phạm Hoài	An	22D140003	K58I3			
57	10160	Trần Thị Thu	Liễu	22D140108	K58I3			
58	10161	Bùi Thị	Nhài	22D140151	K58I3			
59	10162	Ngô Hồng	Ánh	22D140023	K58I3			
60	10163	Dương Thị	Thảo	22D140184	K58I3			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
61	10164	Phan Thị Quỳnh Anh	22D140016	K58I4				
62	10165	Trương Minh Tùng	22D140226	K58I4				

Xác nhận:

62

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **15h00-16h15**

Phòng: **35**
Ca: **4**
Hội trường: **G201**

Mã lớp: **25374ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	10166	Nguyễn Thị Hương	Giang	22D140065	K58I4			
2	10167	Lê Ngân	Hà	22D140070	K58I4			
3	10168	Ngô Thị Linh	Nhi	22D140152	K58I4			
4	10169	Nguyễn Phương	Anh	22D140012	K58I4			
5	10170	Trần Nam	Anh	22D140020	K58I4			
6	10171	Phạm Hoài	Linh	22D140120	K58I5			
7	10172	Nguyễn Hoàng	Đạt	22D140056	K58I5			
8	10173	Bùi Thế	Anh	22D140005	K58I5			
9	10174	Đậu Đức	Phú	22D140162	K58I5			
10	10175	Đỗ Hà	Phương	22D140167	K58I5			
11	10176	Cao Ánh	Bích	22D140030	K58I5			
12	10177	Lê Ngọc Phương	Thảo	22D140186	K58I5			
13	10178	Đào Nhật Duy	Anh	22D300005	K58LQ1			
14	10179	Lương Văn	Thuận	22D300140	K58LQ1			
15	10180	Vũ Huy	Hoàng	22D300063	K58LQ1			
16	10181	Lê Thị Quỳnh	Anh	22D300010	K58LQ1			
17	10182	Dương Ngọc	Linh	22D300085	K58LQ1			
18	10183	Trần Phương	Linh	22D300091	K58LQ1			
19	10184	Nguyễn Văn	Ngọc	22D300103	K58LQ1			
20	10185	Nguyễn Văn	Quang	22D300120	K58LQ1			
21	10186	Thái Lương Chi	Anh	21D300133	K58LQ2			
22	10187	Phạm Thị	Ngân	22D300099	K58LQ2			
23	10188	Nguyễn Việt	Anh	22D300017	K58LQ2			
24	10189	Nguyễn Quý	Đạt	22D300042	K58LQ2			
25	10190	Lê Đức	Anh	22D300009	K58LQ2			
26	10191	Luyện Thị Thanh	Vân	22D300157	K58LQ2			
27	10192	Đỗ Nam	Khang	22D300075	K58LQ2			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	10193	Nguyễn Ngọc Kiên	22D300078	K58LQ2				
29	10194	Trần Ngọc Nhi	22D300109	K58LQ2				
30	10195	Nguyễn Thị Trang Nhung	22D300112	K58LQ2				
31	10196	Đỗ Thị Minh Phương	22D300116	K58LQ2				
32	10197	Nông Quốc Ái	22D300018	K58LQ2				
33	10198	Lư Hoa Cương	22D300030	K58LQ2				
34	10199	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22D300053	K58LQ3				
35	10200	Lăng Xuân Việt	21D300189	K58LQ3				
36	10201	Hà Linh Nhi	22D300107	K58LQ3				
37	10202	Nguyễn Kim Chi	22D300027	K58LQ3				
38	10203	Phạm Tiến Đạt	22D300043	K58LQ3				
39	10204	Đỗ Thị Hương Giang	22D300049	K58LQ3				
40	10205	Trần Quốc Tuấn	22D300153	K58LQ3				
41	10206	Hà Văn Na	22D300097	K58LQ3				
42	10207	Lê Cẩm Nhung	22D300110	K58LQ3				
43	10208	Nguyễn Thị Kim Chi	22D300029	K58LQ3				
44	10209	Khúc Tiến Đạt	22D300040	K58LQ3				
45	10210	Nguyễn Đức Thắng	22D170224	K58N1				
46	10211	Đoàn Quốc Nhân	22D170168	K58N1				
47	10212	Nguyễn Hồng Quân	22D170203	K58N1				
48	10213	Đặng Thị Bích Thảo	22D170215	K58N1				
49	10214	Trần Thị Xinh	22D170271	K58N1				
50	10215	Lương Quỳnh Dương	22D170033	K58N1				
51	10216	Phạm Thị Yến Nhi	22D170176	K58N1				
52	10217	Tô Lan Phương	22D170198	K58N1				
53	10218	Nguyễn Trường Sơn	22D170209	K58N2				
54	10219	Trần Sách Huy	22D170082	K58N2				
55	10220	Trần Thị Tươi	22D170258	K58N2				
56	10221	Trương Thị Thùy Linh	22D170121	K58N2				
57	10222	Đinh Ngọc Khánh	22D170097	K58N2				
58	10223	Hoàng Thị Yến Ngọc	22D170161	K58N2				
59	10224	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	22D170166	K58N2				
60	10225	Nguyễn Văn Thành	22D170214	K58N3				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
61	10226	Đỗ Thị Hà	Trang	21D170232	K58N3			
62	10227	Nguyễn Thị Thu	Hà	22D170056	K58N3			

Xác nhận:

62

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025



KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Viết**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **15h00-16h15**

Phòng: **36**
Ca: **4**
Hội trường: **G202**

Mã lớp: **25375ENTE0121**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	10228	Nguyễn Thị Ngọc Ly	22D170130	K58N3				
2	10229	Phạm Thị Lan Anh	22D170010	K58N4				
3	10230	Vũ Quỳnh Anh	22D170014	K58N4				
4	10231	Hồ Minh Thúy	22D170231	K58N4				
5	10232	Nguyễn Phương Anh	22D170007	K58N5				
6	10233	Lê Minh Thanh	22D170212	K58N5				
7	10234	Hoàng Gia Bảo	22D170016	K58N5				
8	10235	Lê Huy Hoàng	22D170073	K58N5				
9	10236	Đậu Thị Thúy Hằng	22D170059	K58N5				
10	10237	Hoàng Anh Quân	22D200099	K58P1				
11	10238	Trần Xuân Trường	22D200119	K58P1				
12	10239	Phạm Khánh Linh	22D200071	K58P1				
13	10240	Đặng Hà Châu	22D200018	K58P1				
14	10241	Nguyễn Trần Đại Dương	22D200027	K58P1				
15	10242	Nguyễn Đức Tài	22D200103	K58P1				
16	10243	Lê Thị Khánh Vân	22D200122	K58P1				
17	10244	Trần Quang Việt	22D200123	K58P1				
18	10245	Bùi Hồng Minh	22D200080	K58P1				
19	10246	Vàng Tiểu Băng	22D200015	K58P1				
20	10247	Đỗ Minh Quân	22D200098	K58P2				
21	10248	Nguyễn Anh Đức	22D200030	K58P2				
22	10249	Lê Nhân Minh	22D200079	K58P2				
23	10250	Lưu Thị Phương Linh	22D200066	K58P2				
24	10251	Nguyễn Phương Minh	22D201013	K58PQ1				
25	10252	Nguyễn Thị Kim Ánh	22D201004	K58PQ1				
26	10253	Hà Minh Đức	22D105015	K58Q1				
27	10254	Hoàng Minh Hiếu	22D105019	K58Q1				
28	10255	Long Thị Diệu Linh	22D105025	K58Q1				
29	10256	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D105027	K58Q1				
30	10257	Lê Hà My	22D105034	K58Q1				
31	10258	Lâm Tô Thái An	22D105001	K58Q1				

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	10259	Đào Thị Hồng	Ánh	22D105007	K58Q1			
33	10260	Nguyễn Hải	Linh	22D105026	K58Q1			
34	10261	Vàng Thị	Biên	22D107027	K58QT1			
35	10262	Bùi Thị Linh	Chi	22D107031	K58QT1			
36	10263	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	22D107222	K58QT1			
37	10264	Nguyễn Thị	Toàn	22D107202	K58QT2			
38	10265	Cầm Thị	Quỳnh	22D107168	K58QT2			
39	10266	Hoàng Thị	Thanh	22D107178	K58QT2			
40	10267	Tạ Thị	Nguyệt	22D107145	K58QT2			
41	10268	Nguyễn Đức	Trường	22D107223	K58QT2			
42	10269	Hoàng Thị	Nga	22D107129	K58QT3			
43	10270	Lê Huyền	Diệu	22D107041	K58QT3			
44	10271	Nguyễn Thị	Hồng	22D107070	K58QT3			
45	10272	Thiều Thị	Huyền	22D107081	K58QT3			
46	10273	Nguyễn Văn	Quý	22D107174	K58QT3			
47	10274	Lý Thị	Cánh	22D107029	K58QT3			
48	10275	Đỗ Anh	Thư	22D107195	K58QT3			
49	10276	Lê Thị	Nhị	22D107150	K58QT3			
50	10277	Vũ Hồng	Phúc	22D107160	K58QT3			
51	10278	Nguyễn Thị Kiều	Trang	22D107211	K58QT3			
52	10279	Trịnh Thị Linh	Chi	22D107038	K58QT4			
53	10280	Phạm Thị	Diệu	22D107042	K58QT4			
54	10281	Lù Thị	Giang	22D107055	K58QT4			
55	10282	Bùi Thị Thanh	Tâm	22D107176	K58QT4			
56	10283	Nguyễn Thị	Thương	22D107200	K58QT4			
57	10284	Bùi Thị Thanh	Nhân	22D107147	K58QT4			
58	10285	Lô Thị Bảo	May	22D107125	K58QT4			
59	10286	Nguyễn Thị Lan	Phương	22D190130	K58S1			
60	10287	Nguyễn Lê Công	Dũng	22D190024	K58S1			

Xác nhận:

60

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số bài:.....(số tờ:)

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI
GS, TS Nguyễn Hoàng Việt